

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 112/2025/DS-ST
Ngày 30-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nhớ

2. Ông Trần Bằng Phi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tô Hồng Đức – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 690/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2025/QĐXXST-DS ngày 28/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N

Trụ sở: Số A T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đậu Tuấn C, chức vụ: Giám đốc chi nhánh B.

Người đại diện theo uỷ quyền lại của ông Đậu Tuấn C: Ông Ong Hán C1, chức vụ: Phó Phòng G, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Lê Thanh Q, sinh năm 1965, (vắng mặt);

Bà Ngô Tuyệt H, sinh năm 1972, (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B, đường V, Khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Chí T1, sinh năm 1965, (vắng mặt);

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1972, (vắng mặt);

- Anh Lê Thái D, sinh ngày 02/10/1990, (vắng mặt);

- Chị Lê Bình D1, sinh ngày 29/7/1997, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Ong Hán C1 trình bày: Ngân hàng Thương mại cổ phần N (V) và ông Lê Thanh Q, bà Ngô Tuyết H có ký kết Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 76/VCB.BLI.PL.23 ngày 31/3/2023, ông Q đã ký nhận nợ số tiền vay 1.200.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 266 ngày 31/3/2023, mục đích vay thanh toán tiền mua sắm vật dụng trang trí nội thất gia đình, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 12%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, ngày giải ngân 04/4/2023. Ngoài ra, theo Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng số VP0890000874 ngày 04/3/2021, ông Lê Thanh Q được cấp tín dụng 200.000.000 đồng và Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng số VS08908396408 ngày 25/3/2022, ông Lê Thanh Q được cấp tín dụng 200.000.000.

Tài sản thế chấp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán của các khoản vay nêu trên theo Hợp đồng thế chấp số 67/VCB.BLI.PL.21 ngày 24/7/2021, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 574, tờ bản đồ số 22, diện tích 52.5m² tọa lạc tại ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã H, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 488410 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho hộ ông Lê Chí T1 ngày 11/9/2018; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 582, tờ bản đồ số 22, diện tích 2028.6m² tọa lạc tại ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã H, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 488407 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho ông Lê Chí T1 ngày 11/9/2018. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng C2 ngày 24/7/2021 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bạc Liêu ngày 26/7/2021;

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Lê Thanh Q và bà Ngô Tuyết H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng, đến ngày 04/4/2024 đã hết thời hạn thanh toán và chuyển sang nợ quá hạn. Nay V khởi kiện yêu cầu ông Q và bà H thanh toán các khoản nợ tính đến ngày 29/9/2025, cụ thể như sau:

Khoản vay theo hợp đồng vay số 76/VCB.BLI.PL.23 ngày 31/3/2023: Nợ gốc 1.200.000.000 đồng, lãi trong hạn 264.936.986 đồng, lãi quá hạn 107.309.589 đồng; tổng cộng 1.572.246.575 đồng

Khoản vay Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng số VP0890000874 ngày 04/3/2021: Nợ gốc 188.005.803 đồng, lãi trong hạn 52.896.351 đồng, lãi quá hạn 31.460.925 đồng, phí thường niên 1.600.000 đồng; tổng cộng 273.963.079 đồng.

Khoản vay Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng số VP08908396408 ngày 25/3/2022: Nợ gốc 5.721.402 đồng, lãi trong hạn 1.548.608 đồng, lãi quá hạn 1.400.000 đồng, phí thường niên 0đồng; tổng cộng 8.670.010 đồng.

Tổng cộng ông Q và bà H phải thanh toán số tiền đến ngày 29/9/2025 là 1.854.879.664 đồng (trong đó, nợ gốc 1.393.727.205 đồng, lãi trong hạn 319.381.945 đồng, lãi quá hạn 140.170.514 đồng, phí thường niên 1.600.000 đồng).

Ngoài ra, ông Q và bà H còn phải trả lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế tín dụng đã ký kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông Q và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, V yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lê Thanh Q, bà Ngô Tuyết H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Chí T1, bà Trần Thị L, anh Lê Thái D, chị Lê Bình D1 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như triệu tập làm việc, triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm đúng quy định pháp luật, nhưng ông Q, bà H, ông T1, bà L, anh Thái D và chị Bình D1 đều vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành của bị đơn chưa đúng pháp luật. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn khoản nợ tính đến ngày 29/9/2025 tổng cộng là 1.854.879.664 đồng (trong đó, nợ gốc 1.393.727.205 đồng, lãi trong hạn 319.381.945 đồng, lãi quá hạn 140.170.514 đồng, phí thường niên 1.600.000 đồng) và tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký kết kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ. Quyết định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: V và ông Lê Thanh Q, bà Ngô Tuyết H ký kết các hợp đồng tín dụng, mục đích vay mua sắm vật dụng nội thất gia đình. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Q và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q và bà H trả nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là vụ án dân sự về việc

“Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn V có Chi nhánh V Bạc Liêu, nên **V** có quyền khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự **và khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025**, thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau.

[3] Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Thanh Q, bà Ngô Tuyết H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Chí T1, bà Trần Thị L, anh Lê Thái D, chị Lê Bình D1, nhưng các đương sự này không có ý kiến phản hồi và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không rõ lý do. Ông Q, bà H, ông T1, bà L, anh Thái D và chị Bình D1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông Q, bà H, ông T1, bà L, anh Thái D và chị Bình D1 theo quy định pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Thanh Q và bà Ngô Tuyết H thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết: Căn cứ Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 76/VCB.BLI.PL.23 ngày 31/3/2023 và Giấy nhận nợ số 266 ngày 31/3/2023, Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng số VP0890000874 ngày 04/3/2021, Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng số VS08908396408 ngày 25/3/2022, Hội đồng xét xử xét thấy: Các hợp đồng vay được các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng, hợp đồng chứa đựng đầy đủ các điều kiện cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự, tình tiết nêu trên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện các hợp đồng vay ông Q và bà H đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ, đến nay hết thời hạn thanh toán và chuyển sang nợ quá hạn nên V khởi kiện yêu cầu thanh toán thì ông Q và bà H cũng không có ý kiến phản hồi. Do ông Q và bà H vi phạm hợp đồng và hợp đồng đã hết hạn thanh toán nên V khởi kiện yêu cầu ông Q và bà H thanh toán toàn bộ các khoản tiền còn nợ đến ngày 29/9/2025 tổng cộng là 1.854.879.664 đồng (trong đó, nợ gốc 1.393.727.205 đồng, lãi trong hạn 319.381.945 đồng, lãi quá hạn 140.170.514 đồng, phí thường niên 1.600.000 đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, ông Q và bà H còn phải thanh toán nợ lãi, phí phát sinh theo các hợp đồng vay đã ký nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

[5] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp số 67/VCB.BLI.PL.21 ngày 24/7/2021 do các bên

tự nguyện ký kết, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 574, tờ bản đồ số 22, diện tích 52.5m² tọa lạc tại ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã H, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 488410 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho hộ ông Lê Chí T1 ngày 11/9/2018 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 582, tờ bản đồ số 22, diện tích 2028.6m² tọa lạc tại ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã H, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 488407 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho ông Lê Chí T1 ngày 11/9/2018. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng C2 ngày 24/7/2021 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bạc Liêu ngày 26/7/2021;

Căn cứ vào Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 25/4/2025, qua khảo sát thực tế vị trí đất thế chấp đúng với vị trí đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 488410 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho hộ ông Lê Chí T1 ngày 11/9/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 488407 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho ông Lê Chí T1 ngày 11/9/2018. Hiện trạng là đất trống, hiện do ông Lê Chí T1 đang quản lý sử dụng, hiện trạng không thay đổi so với thời điểm ký thế chấp.

Xét thấy, đất thế chấp cấp cho hộ ông Lê Chí T1, sổ hộ khẩu của ông T1 tại thời điểm cấp giấy chứng nhận gồm có ông Lê Chí T1, bà Trần Thị L, anh Lê Thái D, chị Lê Bình D1; ngày 25/12/2018, anh Thái D và chị Bình D1 có văn bản uỷ quyền cho ông T1 và bà L thế chấp tài sản. Do đó, Hợp đồng thế chấp số 67/VCB.BLI.PL.21 ngày 24/7/2021 do các bên tự nguyện ký kết, đảm bảo được quyền và nghĩa vụ của các bên, được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm là đúng quy định của pháp luật. Cho nên, trong trường hợp ông Q và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì V có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 950.000 đồng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn V được chấp nhận nên ông Lê Thanh Q và bà Ngô Tuyết H phải chịu chi phí này. Do V1 đã tạm ứng trước nên ông Q và bà H có nghĩa vụ thanh toán lại cho V số tiền 950.000 đồng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông Q và bà H phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 67.646.389 đồng.

[8] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 320, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 100, Điều 103 của Luật Các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; **khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025;**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N đối với bị đơn ông Lê Thanh Q và bà Ngô Tuyết H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Lê Thanh Q và bà Ngô Tuyết H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền nợ tính đến ngày 29/9/2025 tổng cộng là 1.854.879.664 đồng (trong đó, nợ gốc 1.393.727.205 đồng, lãi trong hạn 319.381.945 đồng, lãi quá hạn 140.170.514 đồng, phí thường niên 1.600.000 đồng). Kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Q và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp ông Lê Thanh Q và bà Ngô Tuyết H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì buộc ông Lê Chí T1, bà Trần Thị L, anh Lê Thái D và chị Lê Bình D1 giao tài sản thế chấp để Ngân hàng thương mại cổ phần N yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định, đối với các tài sản sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 574, tờ bản đồ số 22, diện tích 52.5m² tọa lạc tại ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã H, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 488410 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho hộ ông Lê Chí T1 ngày 11/9/2018 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 582, tờ bản đồ số 22, diện tích 2028.6m² tọa lạc tại ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã H, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 488407 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho ông Lê Chí T1 ngày 11/9/2018.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định: Ông Lê Thanh Q và bà Ngô Tuyết H phải nộp 950.000 đồng. Do Ngân hàng thương mại cổ phần N đã nộp xong nên ông Q và bà H có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền 950.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Lê Thanh Q và bà Ngô Tuyết H phải nộp 67.646.389 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần N không phải chịu án phí, Ngân hàng thương mại cổ phần N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 28.124.736 đồng theo Biên lai thu số 0003472 ngày 28/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Cà Mau) nay được hoàn lại toàn bộ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 6, Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt